

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 8

(Nói về một nước).

1. Nước Ma Yết Đà.

1 - NƯỚC MA YẾT ĐÀ.

Nước Ma Yết Đà chu vi rộng hơn 5000 dặm. Tại đô thành hiếm ít người ở, nơi thôn ấp nhà cửa sắp liền. Đất đai màu mỡ rất thắm đượm lúa thóc. Có giống lúa giê khác lạ, hạt nó thô lớn, mùi vị khác hẳn, sắc màu sáng đẹp đặc thù. Người ở nước ấy quen gọi đó là gạo cứng đại nhân. Đất đai có phần ẩm thấp, thôn ấp người ở gò đồi cao. Từ sau tháng tư đến trước tháng tám, bình thường sinh sống men theo dòng sông có thể sử dụng thuyền bè trôi nổi. Phong tục thuần chất, khí hậu ấm nóng, rất sùng tụng người có chí học, tôn kính Phật pháp. Có hơn 50 ngôi chùa lam, chư tăng có hơn vạn vị, phần nhiều đều kính trọng tập học giáo pháp đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời. Các hàng đệ đạo rất đông nhiều.

Từ sông Khắc Già về phía nam có thành xưa cũ, chu vi rộng hơn 70 dặm, hoang tàn tuy đã trải qua thời gian lâu dài nhưng nền móng địa chỉ vẫn hiện còn. Xưa kia lúc con người có được tuổi thọ không biết bao nhiêu năm thì gọi đó là thành Câu Tô Ma Bồ La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là cung thành Hương Hoa) vì nơi vương cung có lắm nhiều hoa nên gọi tên như vậy. Mãi đến lúc con người có được tuổi thọ khoảng vài ngàn năm, thì lại gọi đó là thành Ba Tra Ly Tử (xưa trước gọi là Áp Ba Liên Phát tức sai nhầm vậy). Mới đầu có vị Bà-la-môn tài cao học rộng, môn nhân đệ tử có vài ngàn người, dùng sở học mà truyền trao. Các học trò cùng nhau đi dạo chơi, có một thư sinh buồn bã bồi hồi trông ngắm. Đồng bạn mới hỏi rằng: “Cớ sao u buồn vậy?”. Thư sinh ấy đáp: “Sắc đẹp mới cứng mạnh, rảo bước giẫm bóng hình, năm tháng đã chồng chất mà nghề nghiệp không thành. Trông nhìn lại đây mà nói lòng buồn càng quá lắm”. Khi ấy các học trò cười đùa mà bảo rằng:

“Nay sẽ vì ông mà sinh hôn”. Thân gần mới giả lập ba người làm cha mẹ của người nam, hai người làm cha mẹ của người nữ, bèn ngồi nơi gốc cây Ba Tra Ly, nói với người nữ bằng tiếng cây rằng: “Lúc hái, quả rớt dòng trong, bày đầu mối của hôn nhân, xin khéo hợp với kỳ hạn”. Khi ấy giả làm cha của người nữ xin cành hoa trao cho thư sinh mà bảo rằng: “Đây là tình cờ gặp gỡ tốt lành, xin chớ chối từ vậy”. Trong lòng thư sinh mừng vui tự đắc. Đến lúc xế tối, mọi người nói trở về, nhưng thư sinh quyến luyến mà ở lại. Các học trò bảo: “Lời nói trước là đùa vui thôi vậy, mong có thể đồng trở về. Trong rừng có nhiều thú dữ, sợ cùng làm hại đó”. Thư sinh vẫn cứ ở lại, và qua lại bên cạnh gốc cây. Sau khi trời đã tối, bỗng nhiên có ánh sáng khác lạ tỏa chiếu khắp trống vắng, âm thanh đàn sáo thanh nhã hòa vang, bỗng chốc thấy có một ông già trên tay với trượng sách đến ủy an. Lại có một bà già dẫn theo người thiếu nữ cùng với khách theo đến đông đầy đường, vận mặc y phục đẹp xinh tấu trời ca nhạc. Ông già mới chỉ người thiếu nữ mà bảo cùng thư sinh rằng: “Đây là người vợ nhỏ yếu của ông vậy”. Và bèn cùng ca nhạc yến tiệc trải qua bảy ngày. Các học trò nghi là thư sinh đã bị thú dữ làm hại, bèn sang mà tìm kiếm, mới thấy thư sinh riêng một mình ngồi dưới bóng cây, dáng thế đang như đối đãi với thượng khách, bảo cùng trở về nhưng thư sinh khước từ không vâng theo. Sau đó tự vào thành một mình, thư sinh bái yết thân thích xưa cũ, tỏ bày đầu đuôi sự việc, mọi người nghe đều kinh hãi. Các người bạn thân đồng sang trong rừng và đều thấy cây hoa ấy là một ngôi nhà ở lớn, có các tội tử sai sử mọi công việc qua lại vội vàng. Và ông già ấy thông dong tiếp đối, thiết bày thức ăn ngon tấu trời ca nhạc, chủ khách đều đủ lễ. Các người bạn trở lại trong thành kể cùng mọi người xa gần. Đến lúc tuổi già, thư sinh ấy sinh được một người con. Thư sinh mới bảo cùng vợ rằng: “Tôi nay muốn trở về quê cũ mà chưa nhẫn lia xa cản trở. Vừa lại lưu ở, nương nấu nơi trú ngụ vụn lộ bày”. Người vợ nghe thế rồi, bèn đem thưa cùng cha già. Ông già ấy bèn bảo cùng thư sinh rằng: “Người đời hành lạc há hẳn phải có quê cũ. Nay sắp xây dựng nhà cửa, ông nên chớ có ý chí đổi khác”. Khi ấy bèn sai sử mọi người lo việc xây dựng không mấy ngày mà đã hoàn thành. Thành cũ Hương Hoa dời đô đến ấp này. Do sức thần của người con kia vì xây dựng thành, từ đó về sau nhân đó mà gọi tên là thành Ba Tra Ly Tử vậy.

Từ cung xưa cũ của vua về phía bắc có một trụ đá cao vài mươi thước di vua Vô Ưu tạo lập, đó là nơi tạo dựng cảnh địa ngục vậy. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn trong 100 năm thứ nhất, có vị vua tên

là A Thâu Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là vua Vô Ưu, xưa trước gọi là vua A Dục, tức sai nhầm vậy), là tăng tôn của vua Tần Tỳ Bà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ảnh Kiên, xưa trước gọi là Tần Bà Sa La, tức sai nhầm vậy), từ thành Vương Xá dời đô đến Ba Tra Ly, xây dựng thành quách phía ngoài bao quanh thành cũ, thời gian trải qua đã lâu xa chỉ còn lại địa chỉ nền móng cũ. Các ngôi già lam, đền thờ trời, Tốt-đổ-ba nền móng xưa cũ có vài trăm ngôi mà hiện còn chỉ vài ba ngôi. Chỉ có nơi phía bắc cung thành gần sông Khắc Già, trong một thành nhỏ còn có hơn trăm ngôi nhà. Mới đầu, sau khi lên ngôi, vua Vô Ưu mọi cử chỉ hành động vô cùng hung bạo, mới lập ra cảnh địa ngục làm hại sinh linh, chung quanh tường vách cao vợi. Góc lầu đặc biệt nổi cao, có lửa dữ cháy phừng phực, lò vạc, dao, mũi nhọn bén sắc, có đủ thứ khí cụ làm khổ quần sinh, phỏng theo hình tượng nơi chốn u đồi, vợi gọi. Các người hung dữ lập làm chủ ngục, mới đầu thì đem các tội nhân phạm pháp trong nước nhà bất kể nặng nhẹ đều đưa vào chịu đựng sự khốn khổ. Về sau, đem những người đi ngang qua ngục thấy đều bị bắt lấy giết hại. Những người đến đó thấy đều bị chết, bèn bít miệng được vậy. Bấy giờ có vị Sa-môn mới vào pháp chúng, rảo bước khắp các thôn ấp để khát thực. Không may, gặp đến chốn địa ngục ấy. Chủ ngục sai người hung dữ bắt lấy muốn giết hại. Vị Sa-môn ấy kinh sợ, xin được lễ sám. Bỗng chốc lại thấy có một người bị trói dẫn đưa vào địa ngục, cật chặt tay chân, nghiền nát hình hài, chỉ khoảng khắc cúi xuống giữa dậy mà khắp thân phần đều nát tan. Vị Sa-môn ấy thấy vậy rồi rất lấy làm buồn thương, thành tựu được pháp quán vô thường, chứng quả vô học. Ngục tốt bảo rằng: “Có thể đến lúc chết vậy”. Vị Sa-môn ấy đã chứng quả Thánh, trong tâm xem thường mọi sự sống chết, nên tuy vào trong vạc sôi mà tự như ở trong ao nước mát, có hoa sen lớn hiện ra và ngồi trên đó. Chủ ngục kinh sợ vội sai sứ chạy đến báo vua. Vua bèn đích thân đến trông xem và vô cùng tán thán linh thần hộ giúp. Chủ ngục bảo rằng: “Đại vương đáng chết”. Vua hỏi: “Cớ sao?”. Chủ ngục nói: “Trước kia đại vương có răn bảo đến trông coi hình ngục, phạm mọi người đến nơi tường ngục, thấy đều giết hại, không thể nói là vua vào được mà thoát khỏi”. vua Vô Ưu bảo: “Pháp tắc đã nhất định, lý không cải đổi. Ta trước có bảo đâu nói trừ thân người. Từ lâu người phạm sống trong lỗi quá của ta”. Và liền bảo các ngục tốt ném thân chủ ngục vào trong vạc lớn. Chủ ngục đã chết, vua Vô Ưu mới được ra khỏi. Khi ấy, vua bèn phá hủy tường vách phế bỏ tù ngục, khoan tha các tội hình. Từ cảnh địa ngục ấy về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-

đổ-ba, nền móng đều đã sụp đổ chỉ còn hình thế như bình bát úp, được dùng các vật báu để trang sức, dùng đá làm lan hạm. Đó là một trong 84000 ngôi Tốt-đổ-ba. Vua Vô Ưu dùng sức người mà xây dựng trong cung. Bên trong có một đấu xá lợi của đức Như Lai. Linh giám có hiện nổi, có khi tỏa phóng ánh sáng.

Sau khi phá hủy cảnh địa ngục, vua Vô Ưu gặp được đại A-la-hán cận hộ sử dụng phương tiện khéo léo dẫn dụ, tùy cơ duyên mà dạy răn. vua nói cùng A-la-hán Cận Hộ rằng: “May nhờ có phước xưa trước nên ở ngôi vị cao quý trong loài người. Song xót xa bởi chướng lụy sâu dày nên không gặp được Phật giáo hóa. Nay đối với xá lợi di thân của đức Như Lai, tôi muốn tu tạo các ngôi Tốt-đổ-ba để cúng dường tôn trí”. A-la-hán Cận Hộ bảo rằng: “Đại vương dùng sức phước đức sai sử trăm linh, dùng tâm thệ nguyện rộng lớn mà hộ trì Tam bảo. Với tâm nguyện đó, nay đúng phải thời vậy”. Và nhân đó mà A-la-hán Cận Hộ rộng giảng nói về các nhân duyên hiến cúng đất nước, đức Như Lai dự ghi công phu phục hưng hoằng hóa Phật pháp. vua Vô Ưu nghe xong rất lấy làm vui mừng, chiêu tập các hàng quý thần mà bảo rằng: “Đấng pháp vương dẫn bày pháp lợi, các loài hàm linh có được vui mừng. Ta vốn nhờ có thiện căn xưa trước nên ở ngôi vị cao quý trong loài người. Nay đối với xá lợi di thân của đức Như Lai, ta muốn trùng tu cúng dường. Các người hàng quý thần nên hợp sức đồng tâm, đến cùng khắp cảnh vực của thiện bộ châu, mỗi hộ khắp cả câu chi, đem xá lợi Phật mà tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba để cúng dường. Phát tâm vốn từ nơi ta mà công thành do ở các người. Lợi ích thắng phước ấy, chẳng muốn riêng ta có được. Nên mỗi mỗi hãy tự tạo dựng, đợi sau sẽ bảo tiếp”. Các hàng quý thần vâng nhận ý chỉ rồi, đi đến tùy nơi mà khởi công tạo dựng. Tạo dựng đã hoàn thành nên bèn cùng nhau trở lại cầu xin sự chỉ bảo. vua Vô Ưu đã khai quật mở các ngôi Tốt-đổ-ba ở tám nước phân chia xá lợi ấy giao phó cho các quý thần xong, bèn thưa cùng A-la-hán Cận Hộ rằng: “Tâm nguyện tôi muốn đồng một lúc ở khắp các nơi cùng hạ xá lợi tôn trí, tâm tuy mong muốn như thế, nhưng sự việc chưa hẳn đã theo ước muốn!”. A-la-hán Cận Hộ bảo rằng: “vua nên bảo các quý thần đến các nơi đúng với ngày kỳ hạn, lúc mặt trời có tướng mạng bị ẩn che như lòng bàn tay thề khi ấy nên hạ xá lợi”. vua Vô Ưu nghe theo sự chỉ bảo đó mà bảo cùng các quý thần. Mãi đến ngày đã kỳ hạn, vua Vô Ưu thấy bầu trời quang đãng, giữa lúc buổi trưa. A-la-hán Cận Hộ dùng sức thần thông đuổi xê bày tay ngăn che mặt nhật. Các nơi tạo dựng Tốt-đổ-ba các quý thần đều ngóng đợi chiêm ngưỡng, và đồng lúc

ấy hạ xá lợi tôn trí, công việc được hoàn tất.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba cách đó không xa có một tảng đá lớn, là nơi xưa kia đức Như Lai giẫm bước dấu vết vẫn hiện còn. Dấu chân ấy dài một thước tám tấc, rộng hơn sáu tấc. Cả hai dấu chân đều có luân tướng, cả 10 ngón chân niêm dải hoa văn, hình cá ngời sáng nổi bầy, có lúc phóng tỏa ánh sáng. Xưa kia, đức Như Lai lúc sắp nhập niết bàn, theo hướng bắc đến thành Câu Thi Na, ngoảnh lại phía nam trông nhìn đến nước Ma Yết Đà. Giẫm đạp trên tảng đá đó mà bảo cùng tôn giả A-nan rằng: Nay là cuối cùng ta lưu lại dấu vết chân này tại đây, lúc sắp nhập niết bàn ngoảnh nhìn về phía nước Ma Yết Đà, khoảng trăm năm sau có vua Vô Ưu thống trị muôn dân sẽ xây dựng thành đô tại xứ này. Hộ trì Tam bảo, sai sử các hàng quỷ thần”. Kịp đến lúc vua Vô Ưu lên ngôi, dời đô xây dựng Ấp bít bọc bao quanh tảng đá có dấu chân đức Phật. Do vì đã gần nơi cung thành nên vua thường đến cúng dường. Về sau các vua nước khác đua nhau muốn dời chuyển tảng đá đó về đất nước mình. Tuy tảng đá không lớn lắm, mà có nhiều người cũng không khả năng dời chuyển. Gần đây vua Thiết Thưởng Ca hủy hoại Phật pháp, bèn đến nơi tảng đá đó muốn phá hủy Thánh tích, đục bỏ rồi lại hiện đường văn bình thường như xưa cũ. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Bên cạnh tinh xá có dấu chân đức Phật cách không xa có một trụ đá lớn cao hơn 30 thước, văn thư ghi chép đã bị mòn khuyết, mà đại khái nói là: “vua Vô Ưu có tín căn tinh thần kiên cố, đã ba lần đem cõi thiệm bộ châu cúng dường Phật pháp tăng, ba lần đem các vật quý báu lại tự đắp tặng, v.v... văn từ ở đó ghi chép, đại lược là như vậy!

Từ vương cung xưa cũ về phía bắc có một ngôi thạch thất lớn. Bên trong rộng khoảng vài trượng, bên ngoài tương trạng như núi cao, do vua Vô Ưu vò người em xuất gia mà sai các quỷ thần tạo dựng. Mới đầu vua Vô Ưu có người em cùng mẹ tên là Ma Hê Nhân Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Đế) vốn sinh tử quý tộc lại lạm dụng vương chế, xa xỉ trúng bạo, các hàng thứ dân ôm hoài oán hận. Các hàng quốc phụ lão thần đến can ngăn cùng vua Vô Ưu rằng: “Người em của vua kiêu căng làm oai cũng đã quá lắm. Phàm chính sách của bình đẳng thì nước nhà an trị, dân hòa thì chúa an. Phép tắc dạy răn từ xa xưa trở lại nay đã lâu lắm vậy, xin vua nên bảo tồn phép nước. Bắt giao cho người nắm giữ luật pháp xử trị”. Vua Vô Ưu buồn khóc bảo cùng em rằng: “Tôi tiếp thừa giềng mối cơ nghiệp che chở

bảo thọ sinh linh, hưởng hồ đối với ông là người đồng chung một bào thai mà há quên ban ân mền quý. Ông đã trước giúp đỡ dẫn dắt muôn dân lại giã đạp xem thường luật hình quốc pháp. Trên sợ đối với tiên linh, dưới bức bách bởi mọi người bàn nghị...!” Ma Hê Nhân Đà La cúi đầu sám tạ rằng: “Em chẳng tự nghiêm cấm mọi hành vi, dám can phạm đến pháp hiển của nước nhà. Xin được ban ân sinh lại và khoan thứ cho bảy ngày”. Và khi ấy bèn đi thẳng vào nhà tối. Nghiêm mật thêm sự giữ gìn canh vệ, mọi thứ ngon lành thức ăn thượng vị cấp dâng không khuyết thiếu, kẻ sử trông coi xướng rằng: “Đã qua một ngày, còn lại sáu ngày nữa”. Đến ngày thứ sáu, đã rất buồn sợ, Ma Hê Nhân Đà La lại cố gắng dốc hết thân tâm tinh tấn, bèn được chứng quả, liền bay vọt giữa không trung biến hiện thần lực, ra khỏi trần cấu, xa đến nương nấu nơi hang núi. vua Vô Ưu đích thân sang tìm mà bảo cùng em rằng: “Xưa kia bố buộc bởi quy chế phép tắc của nước nhà, muốn đưa đến sửa trị nghiêm hình, đâu có ý thanh tịnh vượt cao để chứng lấy Thánh quả”. Đã không ứ trệ bởi hình lụy, có thể nên trở về với nước nhà!”. Ma Hê Nhân Đà La đáp rằng: “Xưa kia nghiêm buộc bởi lưới ác, tâm tình rong ruổi với thanh sắc, nay đã ra khỏi thành lũy nguy ách, tâm chí vui thích ở chốn núi hang. Xin từ bỏ cõi nhân gian mãi sống lâu dài nơi gò nững!”. vua Vô Ưu bảo rằng: “Như muốn tĩnh lặng tâm tư đâu hẳn phải ở chốn núi hang sâu thẳm. Tôi sẽ theo chí nguyện của ông mà vì tạo dựng”. Bèn vời gọi các quỷ thần mà bảo rằng: “Ngày hôm sau, ta sẽ chuẩn bị các thứ ngon lành, các người hãy cùng nhau nhóm tập đến nơi hội của ta. Mỗi mỗi hãy tự mang theo một tảng đá lớn để làm sàng tòa”. Các quỷ thần vâng mạng, đến kỳ hạn đều nhóm tụ đông đủ. Khi chúng hội đã xong, vua Vô Ưu bảo cùng các quỷ thần rằng: “Tòa đó nghinh ngang nên nhóm chất lại, nhân công khó chẳng nhọc sắp chất làm thành thất rộng”. Các quỷ thần vâng lệnh rồi, không mấy ngày bèn hoàn thành. vua Vô Ưu lại đích thân sang nghinh đón thỉnh mời Ma Hê Nhân Đà La về ở nơi hang núi ấy.

Từ vương cung xưa cũ về phía bắc, thuộc phía nam nơi chốn cảnh địa ngục có một máng đá lớn, do vua Vô Ưu khéo sai sử công sức quỷ thần làm nên vật đó để lúc cúng dường chư tăng mà tích chứa thức ăn.

Từ vương cung xưa cũ về phía tây bắc có một núi đá nhỏ bao quanh hang cốc có khoảng vài mươi thạch thất, do vua Vô Ưu vì chư vị A-la-hán như Cận Hộ, v.v..., mà sai sử quỷ thần tạo dựng nên. Bên cạnh đó đền đài xưa cũ, nền móng chất sắp đá vẫn hiện còn, ao cong sóng gợn lăn tăn, sóng lừng trợn sạch như gương soi. Mọi người ở các

nước xa gần gọi đó là nước Thánh, nếu có được dùng ống hay tắm rửa thì tội cấu tiêu trừ.

Từ núi ấy về phía tây nam có năm ngôi Tốt-đổ-ba, nền móng tuy đã sụp đổ mà hiện vẫn còn cao. Từ xa trông nhìn đó nún uất như gò núi, mỗi mặt rộng khoảng vài trăm bộ, người đời sau lên trên đó tạo dựng một ngôi Tốt-đổ-ba. Theo “Ấn Độ Ký” nói là: xưa kia vua Vô Ưu tạo dựng 84000 ngôi Tốt-đổ-ba xong rồi, phân chia xá lợi đến các nơi còn lại hơn năm đầu, nên riêng tạo dựng năm ngôi Tốt-đổ-ba đó, hình dáng chế tác khác lạ so với các nơi, các điều linh dị có lúc hiện bày để biểu thị năm phần pháp thân của đức Như Lai. Các hàng đức tin mỏng cạn cùng nhau bàn nghị là: “Đó là nơi xưa kia vua Nan Đà xây dựng năm kho tàng ấy để cất giấu bảo báu”. Về sau có vị vua không tâm thuần kính tin, nghe những điều nghi ngờ bàn nghị trước nên ứng tâm tham cầu, dấy động binh lính đích thân dẫn đến quật phá, bỗng nhiên quả đất rung động núi non sụp đổ, mây tối ngăn che mặt nhật. Từ trong Tốt-đổ-ba phát ra tiếng sấm nổ lớn. Các hàng binh lính ngã té, voi ngựa kinh sợ trông chạy. Từ khi đã giáng điềm ấy, về sau không còn dám mong mỏi. Hoặc có người bảo rằng: “Các sự bàn nghị tuy lắm nhiều mà chưa là xác thực luận rõ. Theo sự ghi chép của người xưa thì tin được đó là thật vậy”.

Từ cung thành xưa cũ về phía đông nam có ngôi Tăng-già lam Khuất Tra A Lạc Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kê Viên) do vua Vô Ưu tạo dựng. Mới đầu, vua Vô Ưu phát tâm kính tin Phật pháp, kính tuân tạo dựng gieo trồng nhân thiện, thỉnh mời ngàn vị tăng cả hai chúng Thánh phàm, cúng dường tứ sự cung cấp đầy đủ mọi vật, tuy bị hư hoại hủy nát từ lâu mà nền móng hiện còn. Bên cạnh ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba lớn tên là A Ma Lạc Già; là tên của một loại trái cây thuốc ở xứ Ấn Độ. vua Vô Ưu cảm mắc bệnh lâu dài, tự biết mạng sống chẳng thể cứu chữa nữa, muốn xả bỏ tất cả mọi vật quý báu để tu tạo phước điền. Quyên thân chấp chính rần chớ theo sự ước muốn ấy. Về sau, nhân ăn lại quả A Ma Lạc, ngậm nghĩ đó nữa trái chín mùi, bèn nắm quả thử dài. vua Vô Ưu hỏi quân thần rằng: “Chư thiệm bộ châu ngày nay là người nào? Quân thần đáp rằng: “Chỉ có một mình đại vương”. vua Vô Ưu bảo: “Không phải vậy. Ta nay chẳng phải chủ, chỉ nửa ngày mà được tự tại. Than ôi! Thế gian giàu sang, nguy ác rất như gió đuốc. Ngôi vị chiếm cứ cả hoàn vũ, danh cao thật xứng lý vậy. Đến lúc sắp mạng chung thiếu thốn bị bức bách bởi bề tôi mạnh. Thiên hạ chẳng phải của ta có. Chỉ nửa quả này tại đây!”. Mới gọi thị thần mà

bảo cùng rằng: “Mang nửa quả này đến ngôi già lam Kê Kiên cúng thí chúng tăng mà thưa rằng: “Ta ngày xưa làm chủ cả Thiệm bộ châu, nay chỉ nửa quả A Ma Lạc làm vua, xin cúi đầu trước đại đức chúng tăng nguyện xin nhận sự cúng thí cuối cùng này. Phàm mọi thứ có được thấy đều mất tan, chỉ nửa quả này được ít tự tại. Xót thương kẻ túng thiếu được tăng trưởng giống phước”. Khi ấy, vị thượng tọa trong chúng tăng bảo rằng: “Đại vương Vô Ưu xưa trước ước mong cứu tế rộng khắp, nay bện khắc nghiệt đang lấn áp thân mình, gian thần lại cướp đoạt quyền mạng. Cửa cái tích chứa chẳng còn phải của mình, nên vua dâng nửa quả A ma lạc này để cúng thí. vâng thừa ý muốn của vua muốn cúng thế khắp cùng chúng tăng”. Liền mời vị tăng trông coi mọi việc đem để vào nấu chung trong canh. Nhặt lại hạt quả ấy, xây dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Đã được đội nhờ ân đức sâu dày bèn nêu bày đoái hoài mạng lệnh của vua!

Từ ngôi Tốt-đổ-ba A ma lạc già về phía tây bắc trong ngôi già lam xưa cũ có ngôi Tốt-đổ-ba tên là “Kiến Kiên Chúng Thanh”. Mới đầu trong thành đó có cả trăm ngôi già lam. Chư tăng rất chỉnh tề hòa mục, học hạnh thanh cao, các hàng đệ học ngoại đạo ngậm miệng khóa môi. Về sau, chư tăng lần lượt thô tháo sa lạc, và các hàng hậu tấn chẳng nổi nghiệp tiên tu, còn thầy trò ngoại đạo truyền dạy lẫn nhau thành đạt nghề nghiệp. Bèn bảo đồng bọn nhóm tập bạn đảng đông cả ngàn vạn, tụ tập đến nơi tăng phường khởi lời xướng rằng: “Phàm đánh kiên chùy tức nhóm tập người học. Đây chỉ bọn ngu đần ở mà cũng lầm sai đánh gõ”. Bèn tấu trình cùng vua, xin được kiểm xét sự hơn kém. Ngoại đạo đều là những bậc thầy tài cao học đạt, còn chư tăng tuy đông nhiều mà ngôn từ biện luận cạn cợt. Các ngoại đạo bảo rằng: “Ta đã đối luận được thắng, từ nay trở về sau trong các ngôi Tăng-già lam không được đánh kiên chùy để nhóm tập chúng”. vua chấp thuận lời thỉnh cầu ấy, chư tăng đành phải nhận chịu sự xấu hổ chê mắng mà rút lui trở về, suốt thời gian 12 năm chẳng đánh kiên chùy. Bấy giờ tại nam Ấn Độ có Bồ-tát Na Già At Thích Thọ Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Long Mãnh, xưa trước gọi là Long Thọ, chẳng có vậy) từ thừa bé nhỏ đã lan tỏa tiếng tăm thanh nhã đến lúc trưởng thành lại chuyên chiếm cao danh, xả bỏ ái dục xuất gia học đạo, nghiên tinh đạo lý sâu mầu, chứng đắc quả vị sơ địa. Có vị đệ tử lớn tên là Đề Bà là người có trí tuệ thông minh, cơ thần cảnh ngộ, thưa cùng thầy mình (Long Mãnh) rằng: “Các hàng Sa-môn học nhân ở thành Ba Tra Ly khuất phục ngoại đạo không đánh kiên chùy, ngày tháng vụt đổi thay đã 12 năm rồi. Nay con

muốn phá dẹp tà giáo để trông thấy núi, đốt đèn chánh pháp tỏ soi”. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Các hàng ngoại đạo ở thành Ba Tra Ly đều là những bậc học rộng cao tài, chẳng phải nơi ông có thể sánh đấu nổi, nên nay tôi phải đi vậy”. Đề Bà thưa rằng: “Muốn phá dẹp cỏ thúi há hẳn phải nghiền dốc núi, xin được tiếp nhận ý chỉ dạy răn để truat phế các dị học. Đại sư nên lập nghĩa của ngoại đạo, con sẽ tùy theo văn mà phá chiết, rõ bày sự hơn kém, sau đó sẽ tính đi”. Bồ-tát mới nêu bày lập nghĩa của ngoại đạo, Đề Bà tùy theo phá dẹp lý đó, sau bảy ngày, Bồ-tát Long Mãnh mất hẳn chánh tông. Thế rồi ngời khen rằng: “Sai lầm lập từ dễ mất, nghĩa tà vạy khó đỡ chống. Ông đi sang đó hẳn có thệ dẹp phá các ngoại đạo ấy được vậy!”. Bồ-tát Đề Bà sớm đã vang tỏa cao danh. Các hàng ngoại đạo ở thành Ba Tra Ly đã từng nghe biết, bèn cùng nhau nhóm tập tội tấu trình cùng vua rằng: “Xưa trước uất hận nghe xem, cấm chế các Sa-môn không được đánh kiền chùy. Nay xin nên bảo ban những người canh phòng ở các cửa, đối với các Sa-môn khác lạ ở các vùng lán giềng, không cho vào thành, vì sợ cùng đồng đẳng cấp viện, xem thường mà cải đổi chế định trước”. vua chấp thuận lời cầu xin đó của ngoại đạo, tăng thêm sự dò xét nghiêm cẩn. Đề Bà khi đã đến nơi không được vào thành, nghe lệnh nghiêm cấm chế ấy bèn đổi thay y phục, xếp y tăng già chi giấu trong bó cỏ, vén quần xiêm tội xua đuổi mang đội mà vào. Sau khi đã vào được trong thành, Đề Bà bèn vất bỏ cỏ, đáp mặc lại pháp y. đến ngôi già lam đó muốn cầu xin dừng nghỉ. Biết người đã hiếm ít, chẳng có cùng ở chung phòng, Đề Bà bèn lên ngủ qua đêm trên đài kiền chùy. Đến thời sáng sớm, Đề Bà liền giống kiền chùy, tăng chúng nghe tiếng bèn sang xét xem, thì ra đó là vị Bí Sô du khách đến dừng nghỉ từ hôm qua. Các ngôi già lam khác cũng nghe tiếng vang mà giáng kiền chùy vọng hòa hưởng ứng. Vua nghe tiếng kiền chùy như thế, bèn tìm hiểu xét hỏi, chẳng tìm được nơi phát xuất đầu tiên, lần lượt đến ngôi già lam đó, chư tăng đồng đưa đẩy cho là Đề Bà giống đánh kiền chùy. Đề Bà nói rằng: “Phàm là kiền chùy tức phải đánh để nhóm tập đại chúng, có mà không sử dụng, treo đó để làm gì?”. Vua mới sai bảo người đến báo rằng: “Lúc trước chư tăng luận nghị đạo lý bị rơi lạc thua kém, vì thế cấm chế không được đánh kiền chùy đến nay đã là năm thứ 12”. Đề Bà hỏi rằng: “Có vậy ư? Ngày nay tôi giống lại trống pháp”. Kể sử về báo lại cùng vua là: “Có vị Sa-môn khác lạ, muốn rửa vết nhục xưa trước”. vua mới chiêu tập các hàng học nhân mà định chế rằng: “Nếu tranh luận mà lạc mất bản tông, thì phải giết thân mình để hối tạ”. Khi ấy các ngoại đạo đua nhau nêu bày cổ

xúy, đàm luận dị nghĩa mỗi tự sáng rõ, ngôn từ bén nhọn. Bồ-tát Đề Bà đã lên luận tòa, lắng nghe các ngoại đạo nêu nói trước, và tùy theo nghĩa ấy mà thiết phá, chưa tròn một buổi mà dẹp phá xong các dị đạo. vua cùng các quan đại thần thấy đều vui mừng, nên tạo dựng nền móng linh thiêng đó để tán dương bậc chí đức.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba kiến kiến chùy về phía bắc có một nền móng xưa cũ, là nơi xưa kia, có quỷ biến loạn vị Bà-la-môn mà ở đó. Xưa trước trong thành ấy có vị Bà-la-môn chấp vá phòng nhà ở nơi chằm hoang vắng, chẳng tương giao với thế sự, chuyên thờ quỷ cầu phước, vọng lượng cùng tựa nương, luận bàn cao xa đàm nói quá lắm, nhã từ được hưởng ứng. Như có người khơi kích nạn thì rủ màn đối đáp. Những bậc học cũ tài cao không ai chẳng phát xuất từ sự giúp đỡ ở đó. Các hàng sĩ thứ tự nhiên kính ngưỡng đó như Thánh thần. Có Bồ-tát A Thấp Phược Lũ Sa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhã Minh) là bậc trí tuệ rõ cùng muôn vật, đạo hạnh truyền bá cả ba thừa, từng bảo cùng mọi người rằng: “Bà-la-môn ấy học chẳng thọ nhận từ nơi thầy, tài nghệ không suy xét từ xa xưa, vắng bậc ở nơi tĩnh lặng, riêng chiếm cao danh. Nếu chẳng phải có quỷ thần nương tựa, yêu mỹ gá gẫm sao có thể được như vậy ư? Phàm biện luận vốn từ quỷ thần đạt, nói năng chẳng đối mặt với người, ngôn từ nói ra nghe qua một lần không thể thuật lại được. Tôi nay phải sang đó trông xem cử chỉ như thế nào”. Bèn liền đến nơi am cỏ của Bà-la-môn ấy mà bảo rằng: “Kính ngưỡng khâm trọng bậc tài đức lớn làm ánh sáng soi tỏa đã lâu, cúi mong vén màn, tôi nay muốn tỏ bày chí nguyện xưa trước”. Mà Bà-la-môn ấy vẫn cứ ngạo tự nhiên rủ màn đối đáp. Trong tâm Bồ-tát Mã Minh biết đó là quỷ mỹ, tánh tình rất tự phụ. Giả từ xong, lui về nói cùng mọi người: “Tôi đã nhận biết ra rồi, dẹp phá kia hẳn được vậy”. Sau đó bèn sang tấu trình cùng vua: “Cúi xin rủ lòng xét hứa cho cùng được đối luận kính đàm với cư sĩ kia”. vua nghe thế kính hãi bảo: “Đây là hạng người nào vậy? Nếu chẳng phải là bậc đã chửi tam minh đặc lục thông, thì làm sai có thể cùng với cư sĩ kia đối luận ư?”. Và bèn bảo chuẩn bị xa giá đích thân vua đến xét xem tận mặt cuộc đối luận. Khi ấy Bồ-tát Mã Minh luận nêu vi ngôn trong tam tạng, thuật bày đại nghĩa của Ngũ minh, khéo biện ngang dọc, luận cao trong xa. Và khi Bà-la-môn đã thuật từ lại rồi, Bồ-tát Mã Minh lại bảo rằng: “Lạc mất yếu chỉ của tôi rồi vậy. Nên thuật lại đi”. Khi ấy, Bà-la-môn im lặng ngậm miệng. Bồ-tát Mã Minh quát rằng: “Sao chẳng giải thích cật nạn? Với quỷ mỹ người phụng thờ hãy mau truyền đạt ngôn từ, nhanh vén bỏ màn ấy để thấy rõ sự kỳ quái đó”. Bà-la-môn ấy kính

sợ mà nói rằng: “Thôi! Thôi! Bồ-tát Mã Minh bèn trở lui mà nói rằng: “Tiếng nói của người này sáng nay nghe đã rời rạt trầm lắng, danh hư còn chẳng bao lâu nữa, ý nghĩa chính ở ấy vậy”. vua bảo rằng: “Nếu không phải là bậc tài đức lớn, ai có thể soi xét được đường trái. Tài triết biết được người, dứt tuyệt ngày sau tỏ sáng từ xưa trước. Nước ta có pháp tắc thường, nên nêu bày sự tốt lành chân thật này vậy”.

Từ cung thành về góc tây nam cách hơn 200 dặm có ngôi già lam hiện còn dấu vết, bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba, ánh sáng thần có lúc tỏa chiếu, điềm linh dị có khi hiện nổi, mọi người xa gần không ai chẳng câu thỉnh. Đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền kinh hành vậy.

Từ ngôi già lam xưa cũ theo hướng tây nam đi hơn trăm dặm, đến ngôi già lam Đề La Thích-ca, sân nhà bốn viện, quán các ba tầng, đài cao nhiều lớp nhọn, cửa lớp mở thông, do người cháu út của vua Tần Tỳ Sa La tạo dựng, nêu bày vời gọi các vị tài cao, rộng mời những bậc tuấn đức, các học nhân ở những địa vực khác, những hàng tài giỏi nơi xứ xa, đồng loại cùng đến, kê vai cùng nương ở, chư tăng có ngàn vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Ngay đường phía trong cửa có ba ngôi tinh xá. Phía trên thiết đặt quân tướng, linh khánh treo rộng giữa khoảng không, phía dưới xây dựng tầng nền, lan can bày quanh, cửa thông cửa sổ, rườn cột liền tường làm thêm cấp, dùng các thứ vàng đồng ẩn hiện nghiêm sức trang hoàng. Bên trong tinh xá có tôn tượng đức Phật đứng cao ba trượng, bên tả là tôn tượng Bồ-tát Đa La, bên hữu là tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại. Cả ba tôn tượng đều được chú đúc bằng than đá, oai thần chính túc, thâm xét khắp xa. Trong mỗi tinh xá đều có một thặng xá lợi, ánh sáng linh thiêng có lúc tỏa chiếu, điềm hiện kỳ đặc có khi nổi bày.

Từ ngôi già lam Đề La Thích-ca theo hướng tây nam đi hơn 90 dặm đến một núi lớn. Mây đá ùn nổi sùm uất như ở nhà của linh tiên, rắn độc rồng dữ làm hang huyết nơi đầu chằm, thú dữ chim ưng nương nấu nơi hang rừng. Trên đỉnh núi có một tảng đá lớn, phía trên có tạo dựng một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 10 trượng, là nơi xưa kia đức Phật nhập định diệt tận. Xưa kia đức Như Lai giáng thần đến đó ngồi trên tảng đá ấy, nhập định diệt tận, thời gian trải suốt qua đêm, có các trời và linh Thánh đến cúng dường đức Như Lai, tấu trời nhạc trời, mưa rải hoa trời. Đến lúc đức Như Lai xuất định, các trời cảm mộ bèn dùng các thứ vàng bạc vật báu để xây dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Thời gian trải qua cách Thánh lâu xa, các vật báu biến hóa thành đá. Từ xưa mãi đến nay

chưa từng có người nào đến đó. Từ xa đứng trông xem lên núi cao mới thấy các loài khác nhau như rắn dài thú dữ từng đàn theo nhau đi nhiều về phía hữu, các trời, các tiên, linh Thánh kể nhau theo đến lễ bái tán thán.

Tại sườn phía đông núi có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi có dấu vết xưa kia đức Như Lai dừng đứng trông nhìn về nước Ma Yết Đà. Từ núi đó theo hướng tây bắc đi hơn 30 dặm lại đến một núi có ngôi già lam tựa vào đỉnh núi, làm bên bắc tại mé sườn, trùng các cao vợi, chư tăng có hơn 50 vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Đó là nơi Bồ-tát Cù Ma Mạt Đế (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đức Tuệ) nhiếp phục ngoại đạo. Xưa kia trong núi đó có ngoại đạo Ma Đạp Bà, tổ thuật pháp của Tăng Khư mà tập học đạo, học cùng nội ngoại giáo nghĩa, nói suốt cả hữu không, tiếng tăm hiển bày trước, đức hạnh rất được đương thời kính trọng, các hàng quốc vương, v.v., đều trân kính xưng gọi đó là quốc bảo, các lớp thần dân đồng tông ngưỡng đều tôn xưng là gia sư. Các người tham học ở những nước lân cận nhân đạo phong mà kính mộ đức hạnh, nên kết tụ từng đoàn kéo đến, thật đáng là bậc bậc đạt vậy, được ban thực ấp cả hai thành bao ở quanh mà tạo dựng. Bấy giờ tại Nam Ấn Độ có Bồ-tát Đức Tuệ, từ thừa bé nhỏ mà đã mẫn đạt sớm chiếm tinh vi, học thông tam tạng, thấu suốt lý tứ đế, nghe ngoại đạo Ma Đạp Bà đàm luận sâu mầu, trong tâm ân hoài muốn bề gây sự bén nhọn ấy, mới bảo cùng một môn nhân mang thư đến, nói rằng: “Kính hỏi cùng Ma Đạp Bà có khéo được an lạc chăng? Nên quên nhọc mệt tinh cần luyện tập điều học xưa cũ. Ba năm sau tôi sẽ bề gây tiếng tăm tốt lành của ông vậy!”. Đến trong năm thứ hai, năm thứ ba, cũng luôn sai sứ đến báo cùng. Và đến lúc sắp cất bước lại sai người đem thư tấu, nói rằng: “Kỳ hạn năm tháng đã hết, học nghiệp đã thế nào rồi? Nay tôi đang đi đến, ông nên biết cho đó!”. Ngoại đạo Ma Đạp Bà trong lòng rất lo sợ, răn bảo các môn nhân đệ tử và khắp mọi nhà trong thôn ấp là: “Từ nay trở về sau không được cho các hàng Sa-môn dị đạo đến dừng ở lại, phải gấp tuyên bày cho nhau, không được trái phạm”. Khi ấy, Bồ-tát Đức Tuệ chống tích đến thôn ấp nơi Ma Đạp Bà ở, người trong thôn ấp gìn giữ cấm ước. Chẳng có phòng nhà cho dừng ở. Các Bà-la-môn lại mắng Đức Tuệ muốn dẹp trừ dị đạo nên mong được dừng nghỉ qua đêm tại ấp đó, nhân đó với tâm từ nhỏ lời cảm tạ rằng: “Các người là hàng tịnh hạnh thế đế, tôi đây là hàng tịnh hạnh thắng nghĩa đế, tịnh hạnh đã động, sao lại bị chống cự?”. Các Bà-la-môn nhân đó chẳng cùng đối đáp, chỉ một mực xua đuổi. Xua đuổi ra ngoài thôn ấp, Bồ-tát

Đức Tuệ đi vào trong rừng lớn, trong rừng đó có thú dữ từng đàn luôn hành hung bạo. Có một vị tịnh tín sợ Bồ-tát Đức Tuệ bị thú dữ làm hại, nên ôm bó đuốc mang cung tên gây trượng đến nói cùng Bồ-tát Đức Tuệ rằng: “Tại Nam Ấn Độ có Bồ-tát Đức Tuệ, tiếng tăm vang xa, muốn cùng đến luận nghị, nên người chủ trong ấp này sợ gây mất tiếng tăm tốt lành xưa nay, do đó nghiêm cấm không cho các Sa-môn vào rừng nghỉ lại. Vì sợ bị vật làm hại ngài nên tôi đến cùng tiếp viện, mong nên đi gấp để được an toàn, chớ có toan nghĩ gì khác”. Bồ-tát Đức Tuệ bảo cùng người tịnh tín ấy rằng: “Bồ-tát Đức Tuệ chính là tôi đây”. Người tịnh tín ấy nghe thế lại càng rất mực cung kính, nói cùng Bồ-tát Đức Tuệ rằng: “Thật đúng như điều báo, nên có thể nhanh đi!”. Liền ra khỏi rừng sâu đến dừng nghỉ nơi đầm trống. Người tịnh tín ấy nhóm đốt lửa, cầm nắm cung tên xoay quanh gìn giữ, mãi đến lúc đêm hết, lại nói cùng Bồ-tát Đức Tuệ rằng: “Cần nên đi vậy, sợ có người biết sẽ cùng làm hại!”. Bồ-tát Đức Tuệ cảm tạ nói rằng: “Không dám quên mất ân đức này!”. Và khi ấy, Bồ-tát Đức Tuệ bèn đến nơi cung vua, nói với người giữ cửa rằng: “Nay có Sa-môn từ phương xa đến xin vua dủ lòng hứa cho cùng biện luận với Ma Đạp Bà”. vua nghe thế kinh hãi bảo: “Đây là người hư dối vậy!”. Và liền sai sứ thần sang chỗ Ma Đạp Bà tuyên cáo ý chỉ của vua là: “Có vị Sa-môn khác lạ lại cầu xin cùng đối luận. Nay đã trong thiết luận trường, báo cùng tất cả mọi người xa gần đứng đợi trông lai nghị, xin đến dự”. Ma Đạp Bà hỏi kẻ sứ của vua rằng: “Há chẳng là luận sư Đức Tuệ ở Nam Ấn Độ ư?”. Kẻ sứ đáp rằng: “Đúng là người ấy vậy”. Ma Đạp Bà nghe thế trong lòng rất không vui vẻ, song sợ việc khó thể chối khỏi, bèn phải đến nói luận trường. Từ Quốc vương cho đến các hàng đại thần sĩ thứ hào tộc thấy đều tụ tập, đồng muốn được nghe đàm luận cao xa. Trước tiên Bồ-tát Đức Tuệ đứng dậy nêu lập tông nghĩa. Kịp đến lúc xế bóng, Ma Đạp Bà lấy cơ tuổi già trí tuệ mờ kém khó đối biện nhanh mà chối từ, xin được trở về tĩnh lắng tư duy mới đáp lại cật nạn. Tuy để theo sự nói trở về, đến sáng hôm sau lên tòa, trọn không nghị luận được gì khác lạ. Đến ngày thứ sáu bèn oái máu mà chết. Lúc sắp chết, trông nhìn lại người vợ, Ma Đạp Bà bảo rằng: “Người có tài cao, chớ quên sự tủ nhục này”. Ma Đạp Bà chết rồi bèn giấu kín không phát tan. Vợ Ma Đạp Bà lại mặc y phục the lụa mới đẹp đi đến nơi luận hội. Mọi người đều râm rì cùng bảo với nhau rằng: “Ma Đạp Bà tự phụ tài cao, lấy làm xấu hổ phải đối đáp với Đức Tuệ, nên sai người vợ đến, sự hơn kém nay đã rõ ràng vậy. Bồ-tát Đức Tuệ bảo cùng vợ Ma Đạp Bà rằng: “Nếu có thể cấm chế

người thì ta đã cấm chế vậy”. Vợ Ma Đạp Bà biết khó rút lui, vua hỏi rằng: “Bồ-tát nói gì kín nhiệm, kia đành phải im lặng thế?”. Bồ-tát Đức Tuệ nói rằng: “Đáng tiếc thay Ma Đạp Bà đã chết! Vợ ông ta muốn lại cùng tôi đối luận vậy”. vua hỏi: “Cớ sao Bồ-tát biết thế, nguyện xin chỉ bảo cho?”. Bồ-tát Đức Tuệ đáp: “Người vợ Ma Đạp Bà đến trong sắc mặc tỏ vẻ tang chết, trong lời nói ngậm tiếng ai oán. Vì thế nên biết Ma Đạp Bà đã chết vậy. Còn nói có thể cấm chế người, có nghĩa là chỉ cho chồng người ấy vậy” (Ma Đạp Bà). vua bèn sai sứ sang trông xem, quả thật đúng như lời Bồ-tát Đức Tuệ nói, vua mới cảm tạ rằng: “Phật pháp huyền diệu, có các bậc anh hiền tiếp vết khuôn phép. Vô vi giữ đạo, muôn loài thấm đượm ân hồng hóa. Y theo khuôn phép nước nhà từ xưa trước tán dương khen thưởng tài đức có thường”. Bồ-tát Đức Tuệ nói rằng: “Vị thực lấy sự ngu muội hiểu biết đạo, sống trinh thuần còn đủ sự chánh chân, luận bàn cứu tế mọi vật, giúp rộng cấp dẫn. Trước phá dẹp cứ ngạo chỉ là phương tiện nhiếp hóa. Nay đến thời đây chỉ cầu mong đại vương đem tất cả con cháu trang ấp hộ của Ma Đạp Bà suốt ngàn đời thường cung cấp người vào chốn Tăng-già lam, thì đuổi dài dạy răn đời sau lưu truyền sự tốt lành không cùng, chỉ có người tịnh tín kia được giúp hộ, phước kéo dài ngàn đời, ăn cùng đồng như chư tăng, để khuyên các thanh tín để khen thưởng người đức dày”. Khi ấy bèn tạo dựng ngôi Già lam đó kính tu nên bày Thánh tích. Mới đầu, sau khi Ma Đạp Bà đối luận thất bại, có khoảng 10 vị tịnh hạnh Bà-la-môn trốn nạn chạy đến các nước láng giềng báo cùng các ngoại đạo ở các xứ ấy biết về sự sỉ nhục đó, và chiêu mộ những bậc anh tài trở lại rửa nhục ngày trước. vua đã trân kính Bồ-tát Đức Tuệ nên đích thân sang mà cầu thỉnh rằng: “Nay các ngoại đạo chẳng tự lường sức mình, kết tập bạn đảng liên đàn, dám cùng muốn tranh luận, cúi xin đại sư dẹp bỏ các dị đạo”. Bồ-tát Đức Tuệ bảo rằng: “Nên nhóm tập những người muốn đối luận”. Khi ấy các học nhân ngoại đạo vô cùng vui mừng ủy an lẫn nhau chúng ta ngày nay nhất định hẳn sẽ thắng vậy. Đến lúc các ngoại đạo nêu bày nghĩa lý, Bồ-tát Đức Tuệ bảo rằng: “Nay các ngoại đạo trốn nạn đi xa, như chế định của tiên vương thì đó đều là kẻ giặc. Tôi nay làm sao cùng kia mà đối luận, Đức Tuệ tôi có mang theo một sà-nà tòa dựng đứng vốn nghe được các nghị luận của kẻ khác lại khéo thông rành ý chỉ tinh vi, đang đứng đợi bên cạnh mà lắng nghe các vị cao đàm”. Bồ-tát Đức Tuệ vỗ về sà-nà tòa ấy mà nói rằng: “Sà-nà tòa ơi! Người có thể đối luận đi”. Mọi người đều kinh dị sự bảo ban ấy. Khi ấy tòa sà-nà được mang theo dựng đó liền phát tiếng cật nạn nghĩa lý sâu xa tuông ra như suối vọt,

biện luận mất tông nghĩa. Lại bề gãy sự bén nhọn ấy, lại dứt tiết vây cánh ấy. Các ngoại đạo tự phục đối luận xong, trở lại tạo dựng ngôi già lam nơi ấp hộ.

Từ ngôi già lam nơi Bồ-tát Đức Tuệ đối luận theo hướng tây nam đi hơn 20 dặm, đến một núi đơn lẻ, có ngôi già lam, là nơi luận sư Thi La Bạt Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giới Hiền) luận nghị được thắng nên xả thí Ấp tạo dựng nên, đứng sừng trên đỉnh núi cao như ngôi Tốt-đổ-ba, có tôn trí xá lợi đức Phật. Luận sư vốn người thuộc vương tộc ở nước Ma Đát Tra; chủng tộc Bà-la-môn, thừa thiếu thời ham thích học hành rất có phong thái tiết tháo, rảo bước đến khắp các xứ Ấn Độ tìm cầu các bậc minh triết, đến tăng già lam Na Lan Đà ở nước đó, gặp được Bồ-tát Hộ Pháp, nghe giảng giáo pháp mà tin ngộ, cầu xin được xuất gia, tìm cầu lấy sự thấu đạt rốt ráo học hỏi lấy đường giải thoát. Đã thấu cùng chí lú cũng rốt ráo với vi ngôn, tiếng tăng vang vọng ở đương thời, đạo hạnh tỏa lan các xứ khác. Bấy giờ tại Nam Ấn Độ có vị ngoại đạo tham cứu sâu xa, viện dẫn kín ẩn, thông suốt u vi, nghe tiếng tăm của Bồ-tát Hộ Pháp mà khởi sinh ngã mạn, ghét ganh sâu sắc, chẳng ngại cản trở bởi núi sông, gióng trống muốn cầu đối luận, bảo rằng: “Ta là người ở xứ Nam Ấn Độ, nhân trong nước nhà cửa vua đây có vị Đại luận sư, ta tuy chẳng thông mẫn nhưng muốn được cùng đối luận”. vua bảo rằng: “Thật có vậy, thật như điều muốn nghị luận”. Mới sai sứ thần đến cầu thỉnh Bồ-tát Hộ Pháp rằng: “Tại Nam Ấn Độ có một vị ngoại đạo chẳng ngại đường xa ngàn dặm đến cầu muốn được đối luận. Cúi xin Bồ-tát cất bước đến dự ở luận trường”. Bồ-tát Hộ Pháp nghe thế rồi xếp y sắp sang, môn nhân đệ tử Giới Hiền là người tài giỏi trong hàng Hậu tấn bước ra trước mà thưa rằng: “Sao vội đi vậy?”. Bồ-tát Hộ Pháp bảo rằng: “Từ khi tuệ nhật ngậm ẩn ánh sáng, thuyền đăng lừng soi chiếu. Các hàng ngoại đạo đông nhiều như kiến bu, dị học tự ong bay, nên nay ta phải phá dẹp kẻ muốn đấu luận kia”. Luận sư Giới Hiền thưa rằng: “Cung kính được nghe các luận khác, dám xin phá dẹp dị đạo”. Bồ-tát Hộ Pháp biết Giới Hiền là hàng tài tuấn, nhân đó mà hứa khả. Khi ấy luận sư Giới Hiền vừa mới 30 tuổi, mọi người đều xem thường cho là còn nhỏ khó thể riêng một mình đảm nhận. Bồ-tát Hộ Pháp biết tâm bất bình của đại chúng mới giải thích đó rằng: “Có cần quý ở sự cao minh, đâu cần gì đến tuổi tác. Lấy ngày nay mà trông xem đó hẳn phá dẹp hơn kia vậy”. Mãi đến ngày nhóm tập đối luận, mọi người xa gần đều đến, già trẻ thấy nhóm tụ. Ngoại đạo ấy nêu bày mưu chước lớn hết cả sự sâu mầu. Luận sư Giới Hiền theo lý trách thật sâu

cùng u huyền. Vị ngoại đạo ấy bèn hết ngôn từ đành mang sự tủi nhục mà rút lui. vua muốn để đáp ân đức hạnh đó bèn phong tặng ấp thành ấy, luận sư Giới Hiền chối từ rằng: “Kẻ sĩ mặc áo nhuộm vốn chỉ nên biết đủ thanh tịnh tự giữ, đâu lấy thành ấp làm gì?”. Vua bảo: “Đấng pháp vương ẩn uất, thuyên trí tuệ lắng sâu, nên chẳng có nêu bày riêng biệt đâu biết lấy gì để khuyên răn hàng hậu học. Vì muốn hoằng dương chánh pháp, nguyện xin đủ lòng xót thương nhận nạp”. Luận sư Giới Hiền chối từ không được, bèn nhận ấp ấy, và tạo dựng ngôi già lam đủ đầy mọi quy củ, xá thí ấp hộ ấy, kính tu cúng dường.

Từ ngôi già lam của luận sư Giới Hiền theo hướng tây nam đi khoảng 40 - 50 dặm, vượt qua sông Ni liên thuyền đến thành Già Da là nơi rất hiểm trở kiên cố, hiếm ít người ở, chỉ có hơn ngàn gia đình Bà-la-môn là con cháu nối dõi của Đại tiên nhân, vua không có bề tôi, mọi người đều tôn kính. Từ thành ấy về phía bắc cách hơn 30 dặm có một dòng suối trong. Ở Ấn Độ tương truyền xưng gọi đó là dòng nước Thánh, phàm những người uống dùng hay tắm rửa thì tội cấu đều tiêu trừ.

Từ thành ấy về phía nam cách khoảng 5 - 6 dặm, đến núi Già Da, khe hang mật mờ đánh núi nguy hiểm, ở các xứ Ấn Độ có tập tục xưng gọi đó là núi linh. Từ xưa các bậc quân vương lên ngôi trị vì thiên hạ tiếp thừa thống lãnh, cảm hóa thấm hợp đến người phương xa, đức hạnh sáng tỏa đời trước, không ai chẳng lên đó để khẩn cáo công thành. Trên đỉnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng, thần linh soi xét ngòm khắp, ánh sáng thần có lúc tỏa chiếu. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nói các kinh Bảo Vân, v.v...

Từ núi Già Da về phía đông nam có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thôn ấp tôn giả Ca Diếp Ba vốn sống tại đó. Từ đó về phía nam lại có hai ngôi Tốt-đổ-ba tức là nơi Già da Ca Diếp Ba và Nại Đà Ca Diếp Ba (xưa trước gọi là Na Đề Ca Diếp là sai nhầm, và các Ca Diếp nêu bày đều không có chữ “Ba” là lược gọi vậy) phụng thờ lửa. Từ nơi Già Da Ca Diếp Ba phụng thờ lửa theo hướng đông vượt qua dòng sông lớn đến núi Bát La Cấp Bồ-đề (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là núi Tiền Chánh Giác. Đức Như Lai lúc sắp chứng đắc chánh giác, trước tiên bước lên đó nên xưng gọi là núi Tiền Chánh Giác). Xưa kia đức Như Lai suốt sáu năm cần cầu khổ hạnh mà chưa thành chánh giác, sau đó xả bỏ pháp tu khổ hạnh, thọ nhận bát cháo sữa, đi từ phía đông bắc lên đến núi đó, trong tâm âm hoài tĩnh lắng, muốn chứng đắc Thánh giác. Từ sườn núi phía đông bắc lên đến trên đỉnh, đất đã chấn động, núi

lại nghiêng lay, thần núi kinh sợ báo thừa cùng Bồ-tát rằng: “Núi này vốn chẳng phải nơi phước địa thành đấng chánh giác, nếu Bồ-tát ở tại đây nhập định kim cương thì đất sẽ chấn động nghiêng đổ, núi cũng vùi lấp”. Bồ-tát bèn xuống theo hướng tây nam đến nửa lưng chừng núi, lưng kê đánh núi mặt xoay xuống khe suối có một thạch thất lớn, Bồ-tát bèn đến đó ngồi kiết già, đất cũng lại chấn động núi cũng nghiêng lay. Khi ấy trời Tịnh Cư ở giữa không trung xưng rằng: “Đây không phải là nơi đức Như Lai thành đấng chánh giác. Từ đây theo hướng tây nam đi khoảng 14 - 15 dặm cách rừng khố hạnh không xa có cây Tỳ-bát-la phía dưới có tòa kim cương. Từ xưa trước trở lại chư Phật đều ngồi tại đó mà thành đấng chánh giác. Xin Bồ-tát nên đến xứ ấy!”. Bồ-tát vừa mới đứng dậy, có rồng trong thất thưa rằng: “Thất này thanh tịnh ưu thắng có thể lấy làm nơi chứng đắc Thánh quả, cúi xin Bồ-tát với tâm từ bi chớ di dời đâu khác”. Bồ-tát đã biết đó không phải là nơi chứng đắc đạo quả bèn để toại theo ý rồng nên lưu lại hình ảnh mà đi (hình ảnh tại đó, ngày trước các hàng ngu liền đều trông thấy, mãi đến thời nay, có lúc có thể được thấy), chư thiên dẫn đường đi trước sang đến nơi cây Bồ-đề. Mãi đến lúc vua Vô Ưu tôn sùng Phật pháp, tất cả các dấu vết trên dưới của Bồ-tát lên núi thấy đều tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba nêu dấu, hình lượng tuy có khác nhau, nhưng linh ứng chẳng khác, như là hoặc mưa hoa trời trong không trung, hoặc ánh sáng tỏa chiếu giữa hang cốc u tối, mỗi năm đến ngày tứ tứ mãn kỳ an cư, các hàng pháp tục từ những phương xa khác nhau cùng lên đến đó cúng dường qua vài ngày mới trở về. Từ núi tiền chánh giác theo hướng tây nam đi khoảng 14 - 15 dặm đến nơi cây Bồ-đề, tường vách bao quanh được sắp chất bằng gạch cao vợi bền chặt, từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp, chu vi rộng hơn 500 bộ, cây quý hoa lạ che mát liền bóng, cát mịn cỏ lạ mọc tràn xanh khắp. Cửa phía chánh đông mở thoáng đối diện với sông Ni Liên Thuyền. Cửa phía nam tiếp liền với ao hoa lớn, phía tây hiểm ác bên chực, cửa phía bắc thông liền với ngôi già lam lớn, ven tường bên trong, những Thánh tích tiếp liền nhau, hoặc là Tốt-đổ-ba, hoặc là tinh xá, đều do các vị quốc vương, đại thần, các hàng hào tộc ở Thiện bộ châu khâm kính di giáo mà tạo dựng ghi nhớ.

Bên trong vòng tường cây Bồ-đề, chính giữa có tòa kim cương, khi thời hiền kiếp hình thành thì cùng với đại địa không đồng nổi, nằm giữa ba ngàn đại thiên thế giới, dưới đến tận nơi Kim Luân, trên xâm cùng ngàn mẻ đất, dùng bằng chất kim cương làm thành chu vi rộng hơn trăm bộ, ngàn đức Phật trong thời Hiền kiếp đều ngồi tại đó nhập định kim

cang, nên xưng gọi đó là tòa kim cang, là nơi chứng đắc Thánh đạo, cũng còn gọi là đạo tràng, khắp đại địa chấn động riêng nơi đó không lay động. Cho nên xưa kia đức Như Lai lúc sắp chứng đắc chánh giác đi đến bốn góc đất đều lay động, sau đến nơi đó, được tỉnh lặng không khuynh động. Từ dần vào thời mật phát, chánh pháp suy giảm, cát đất càng phủ che nên không còn được thấy. Sau khi đức Phật nhập niết bàn, những bậc quân vương ở các nước truyền nghe đức Phật giảng nói về lượng của tòa kim cang, bèn đem hai tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đến tôn trí nêu bày mốc giới ở hai phía nam bắc xoay mặt về hướng đông mà ngồi. Nghe các bậc lão thành nói là đến lúc nào tôn tượng Bồ-tát ấy thân hình vùi lấp không còn trông thấy thì Phật pháp sẽ diệt tận. Đến nay tôn tượng ở phía nam đã bị vùi lấp quá ức ngược vậy.

Cây Bồ-đề trên tòa kim cang tức là cây Tất Bát La, xưa trước lúc đức Phật còn tại thế, cây đó cao đến vài trăm thước, từng trải qua nhiều lần phá hại đốn chặt nên còn cao khoảng 4 - 5 trượng. Đức Phật ngồi dưới gốc cây ấy thành đấng chánh giác, nhân đó mà xưng gọi là cây Bồ-đề. Cành nhánh sắc màu vàng trắng, cọng lá sắc màu xanh biếc, mùa đông mùa hạ chẳng hề điều tàn, sắc màu vàng sáng đẹp không biến đổi. Thường năm đến ngày đức Như Lai nhập niết bàn lá đều rơi rụng, sau đó trở lại tươi tốt như cũ. Ngày đó những vị quân vương ở các nước, các hàng pháp tục ở các phương khác có cả số ngàn muôn không mời gọi mà tự nhóm tập, dùng các thứ nước thơm sữa thơm để rửa lên tẩy rửa, khi ấy tấu trời âm nhạc, thiết bày hương hoa chong đốt đèn nến liên tiếp từng ngày để cúng dường. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, vua Vô Ưu mới lên tiếp nối ngôi vị tin nhận theo tà đạo, hủy phá các di tích của Phật giáo, phát động binh lính đích thân vua dẫn đến chặt phá, cành nhánh cọng lá bằm chặt thành từng phân tấc đưa về phía tây cách vài mươi bộ chặt thành đống lớn, nỏ vị Bà-la-môn thờ lửa châm đốt để cúng tế trời. Khói lửa chưa dứt lắng bỗng nhiên sinh mọc lên hai cây, đang trong lửa dữ mà cành lá tươi tốt ngậm biếc, nhân thế mà gọi đó là cây Bồ-đề tro lửa. vua Vô Ưu trông thấy kỳ lạ như vậy rồi bèn sám hối lỗi quá, dùng sữa thơm rửa vào gốc rễ còn lại, đến sáng sớm hôm sau cây xanh mọc trở lại như cũ. vua thấy linh thiêng kỳ lạ lại càng rất vui mừng, đích thân tu tạo cúng dường, vui thích quên cả sự trở về. Vương phi vốn tin theo ngoại đạo, kín sai kẻ sứ vào lúc quá nửa đêm lén đến chặt phá cây Bồ-đề đó. đến sáng sớm, vua Vô Ưu sắp ra kính lễ chỉ thấy còn gốc đâm chồi, vua cùng thần buồn cảm xót xa. Chín thành cầu thỉnh, dùng sữa thơm tưới tắm, không mấy ngày sau mọc lại. vua rất kính dị,

sắp chất đá làm tường thành bao bọc chung quanh cao hơn 10 thước nay vẫn hiện còn. Gần đây vua Thiết Thưởng Ca tin theo ngoại đạo, ghét ghanh phá hủy Phật pháp, phá hoại các Tăng-già lam, chặt cây Bồ-đề đào bới sâu xuống tới suối nước chẳng hết đáy rễ, mới phóng lửa thiêu đốt, dùng cam giá rưới đổ xuống khiến tiêu hủy dứt tuyệt mầm mống sót lại. Vài tháng sau, vua Bồ Thích Noa Phật Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Mãn Trụ) ở nước Ma Yết Đà là cháu út của vua Vô Ưu nghe thế mà than rằng: “Tuệ Nhật đã ngậm ẩn chỉ còn lại cây của Phật, nay lại bị chặt phá tàn hại, sinh linh còn thấy gì đâu!”. Ném vật thân mình nơi đất, buồn cảm động đến vật tình, đem vài ngàn con bò vắt lấy sữa để tưới tắm xuống đó, qua đêm sau, cây xanh mọc lại cao hơn một trượng. Sợ người sau chặt phá nên sắp chất đá bao bọc chung quanh cao hai trượng bốn thước, nên nay cây Bồ-đề ẩn trong vách đá đã lồi ra ngoài hơn một trượng.

Từ cây Bồ-đề đi về phía đông có một ngôi tinh xá cao 160 - 170 thước, mặt nền phía dưới rộng hơn 20 bộ, dùng bằng gạch xanh để sắp xây, dùng than đá để tô thoa, tầng khám đều có tôn tượng bằng vàng, bốn phía vách tường đều khắc họa chế tác kỳ công, hoặc hình chuỗi châu liên vòng, hoặc tượng chư thiên chư tiên, phía trên đặt quả A ma lạc ca (cũng gọi là Bảo Bình, hay là Bảo Đài) bằng đồng vàng, mặt phía đông tiếp làm trùng các, diềm mái đặc biệt nổi cao ba tầng, xà trụ rường cột, cánh cửa thông cửa sổ dùng bằng vàng bạc khắc chạm trang sức, lại dùng châu ngọc khắc làm khóa bít, thất kín nhà sâu cửa thông ba lớp, hai bên tả hữu ngoài cửa mỗi mỗi đều có khám thất, bên tả thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, bên hữu thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Từ Thị dùng bằng bạc trắng chú đúc thành cao hơn 10 thước. Chỗ đất tinh xá xưa cũ, mới đầu do vua Vô Ưu tạo dựng ngôi tinh xá nhỏ. Về sau có vị Bà-la-môn mở mới xây dựng rộng thêm. Mới đầu có vị Bà-la-môn không tin Phật pháp, phụng thờ đại tự tại, truyền nghe trời thần ở tại trong núi tuyết, bèn cùng người con sang đó nguyện cầu. Trời bảo: “Phàm mọi sự nguyện cầu đều có phước mới thành quả, chẳng phải chỗ mong cầu của người, cũng chẳng phải do ta có khả năng khiến được toại nguyện”. Bà-la-môn ấy thưa rằng: “Nên tu phước gì có thể được toại tâm nguyện”. Trời bảo: “Muốn gieo giống thiện lành, tìm cầu ruộng phước ưa thắng. Thì cây Bồ-đề là nơi chứng đắc Phật quả. Với thời gian này nên gấp trở về sang nơi cây Bồ-đề, xây dựng ngôi tinh xá lớn, đục làm ao nước lớn, tu tạo mọi sự cúng dường thì điều ước nguyện sẽ được toại ý”. Vị Bà-la-môn ấy vâng nhận sự chỉ bảo của trời, phát tâm tin lớn

cùng dẫn nhau trở về, người anh thì xây dựng tinh xá, người em thì đào đục ao nước, từ đó rộng tu tạo mọi sự cúng dường, chuyên cần mong cầu tâm nguyện về sau được thành quả làm vua và quan đại thần. Phàm có được mọi thứ phước lộc đều đưa vào xá thí. Đến lúc tinh xá được hoàn thành, chiêu mộ các người thợ đồ họa tôn tượng đức Như Lai lúc mới thành đạo, trải qua tháng năm lâu dài mà không người nào ứng đáp sự mời gọi. Lâu sau có một vị Bà-la-môn đến bảo với mọi người rằng: “Ta có khả năng hay khéo đồ họa diệ tượng đức Như Lai”. Mọi người bảo: “Nay hãy giúp ta tu tạo tôn tượng. ông cần có những vật gì?”. Bà-la-môn ấy đáp: “Cần có bột bùn thơm nên đặt trong tinh xá và đốt một ngọn đèn, sau khi tôi đã vào trong rồi đóng chặt cửa ấy, sáu tháng sau mới có thể nên mở cửa”. Khi ấy các hàng tăng chúng đều y theo lời yêu cầu đó. Mãi đến lúc còn hơn bốn ngày chưa đủ sáu tháng tăng chúng đều lấy làm quái lạ mở cửa ra để trông xem, thấy trong tinh xá có tôn tượng đức Phật nghiêm nhiên ngồi kiết già chân phải gác đặt phía trên, tay trái cong rút lại, tay phải duỗi ra, xoay mặt về hướng đông mà ngồi, chĩnh túc trang nghiêm như đức Phật đang hiện tại, tòa cao bốn thước hai tấc, rộng một trượng hai thước năm tấc, tôn tượng cao một trượng một thước năm tấc, hai đầu gối xa cách nhau tám thước tám tấc, hai vai rộng sáu thước hai tấc, tướng tốt đầy đủ, dung nhan hiền từ như thật, chỉ có phía trên nắm vú bên hữu đắp thoa ngọc sáng chưa hoàn tất. Đã không còn thấy người Bà-la-môn ấy nữa, mới nghiệm là do thần soi xét, chúng tăng đều buồn than, ân cần cầu thỉnh muốn được biết. Có một vị Bà-la-môn trước ấy mà bảo rằng: “Ta là Bồ-tát Từ Thị, sợ sự nghi suy của các người thợ chẳng lường biết Thánh dung nên ta đã đích thân đến đồ họa tôn tượng đức Phật. Duỗi cánh tay phải, tức xưa kia lúc đức Như Lai sắp chứng Phật quả, thiên ma đến quấy nhiễu, địa thần đến báo, vị thứ nhất xuất hiện hỗ trợ đức Phật nhiếp phục quân ma. Đức Như Lai bảo: “Người chớ phải lo sợ. Ta dùng sức nhấn để nhiếp phục quân ma kia hẳn sẽ thắng nó”. Ma vương hỏi: “Ai làm minh chứng?”. Đức Như Lai mới duỗi tay chỉ xuống đất và bảo rằng: “Nơi đây có người minh chứng”. Khi ấy vị địa thần thứ hai nhảy vọt ra làm chứng. Nên nay tôn tượng phỏng theo việc xưa mà duỗi xuống”. Mọi người nghe thế, biết là linh thiêng soi xét, không ai chẳng buồn cảm. Khi ấy, nơi trên nắm vú chưa làm hoàn tất, mọi người mới dùng các vật báu chuỗi châu xỏ quấn các thứ trân quý kỳ lạ giao xen trang sức. Sau khi chặt phá cây Bồ-đề, vua Thiết Thượng Ca muốn hủy hoại tôn tượng đó nhưng khi đã thấy từ nhan tâm không an nhẫn. Lúc sắp xoay trở xa giá trở về, bèn bảo Tế

thần rằng: “Nên trừ bỏ tôn tượng đó để thiết đặt hình tượng trời đại tự tại”. Quan tể thần vâng nhận Thánh chỉ, song lo sợ mà than rằng: “Hủy hoại tôn tượng Phật thì trải qua nhiều kiếp phải nhận chịu tai ương. Còn trái với lệnh vua thì tan thân và cả giòng tộc bị chết hết. Tội và lui như thế, nên thực hành ra sao?”. Mới vội gọi những người có tín tâm để làm kẻ sai sử, bèn đến trước tôn tượng sắp chất gạch chắn ngang thành bức tường, trong tâm dần mờ tối. Lại đặt một cây đèn sáng phía trước tường gạch, đắp họa hình tượng trời tự tại, công việc hoàn tất báo tin cùng vua. Vua Thiết Thượng Ca nghe thế mà trong tâm kinh sợ, khắp cả thân hình nổi đầy mụn nhọt, da thịt lở loét, sống không mấy ngày bèn sau qua đời. Sau khi vua Thiết Thượng Ca qua đời, quan Tể Thần vội trở lại tinh cá phá hủy bức tường chắn ngang ấy. Tuy thời gian trải qua đã nhiều ngày nhưng cây đèn ấy vẫn không tắt mất. tôn tượng đó ngày nay vẫn hiện còn, công thần khuyết hủy. Đã thiết trí trong phòng thất sâu kín, đèn đuốc phải đốt sáng tương tục, muốn trông thấy được từ nhau chẳng do đâu mà thắm xét. Vào lúc sáng sớm phải mang kiếng sáng lớn dẫn ánh sáng soi chiếu vào bên trong mới thấy được linh tượng. Phàm những người được trông thấy đều tự tăng thêm buồn cảm!

Đức Như Lai là thành đấng chánh giác sau nửa ngày mồng 8 tháng Phệ Xá khứ ở Ấn Độ; tương đương ngày mồng 8 tháng 3 tại Trung Hoa. Theo thượng tọa bộ thì đức Như Lai thành đấng chánh giác sau nửa ngày 15 tháng Phệ Xá Khư; tức tương đương ngày 15 tháng 3 ở Trung Hoa. Và, khi ấy đức Như Lai vừa tròn 30 tuổi, có thuyết nói là đức Như Lai vừa 35 tuổi.

Từ cây Bồ-đề về phía bắc, có nơi đức Phật kinh hành. Xưa kia, lúc mới thành đấng chánh giác đức Như Lai chẳng vội đứng dậy khỏi tòa, mà ngồi thiền định tĩnh lặng suốt bảy ngày, đến lúc đứng dậy thì đi đến góc phía bắc của cây Bồ-đề, trải qua bảy ngày đi kinh hành qua lại theo hướng đông tây. Đi hơn 10 bộ thì có hoa khác lạ, nổi theo vết chân có 18 đường văn. Người đời sau đến đó sắp gạch làm thành nền móng cao hơn ba thước. Nghe các bậc lão thành nói là nơi nền móng Thánh tích đó biểu hiện thọ mạng ngắn dài của con người, nên trước phát khởi tâm nguyện chí thành sau mới đo lường, tùy thọ mạng ngắn dài mà số ấy có tăng giảm.

Từ nền móng nói đức Phật kinh hành về phía bắc, bên hữu đường đi, trong tinh xá trên một tảng đá có tôn tượng đức Phật ngửa mặt trông nhìn lên. Xưa kia đức Như Lai đến tại đó suốt bảy ngày trông nhìn cây Bồ-đề mắt chẳng tạm rời, vì muốn báo đáp ân đức cây Bồ-đề nên trông

nhìn vậy.

Từ cây Bồ-đề về phía tây cách không xa trong tinh xá lớn, có tôn tượng đức Phật bằng than đá, và trang sức bằng các vật trân quý kỳ lạ, tôn tượng xoay mặt về hướng đông mà ngồi, phía trước có tảng đá sắc xanh, đường văn kỳ đặc hình thái khá lạ. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai mới thành đấng chánh giác, trời Phạm vương xây dựng nhà bằng bảy báu, trời Đế Thích làm tòa bảy báu, đức Phật lên ngôi trên đó suốt bảy ngày tư duy, tỏa phóng ánh sáng khác lạ soi chiếu lại cây Bồ-đề. Vì các Thánh xa dần nên các vật báu biến thành đá.

Từ cây Bồ-đề về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng là nơi xưa kia Bồ-tát sau khi đã tắm rửa dưới sông Ni Liên Thuyền rồi, sắp đi đến nơi cây Bồ-đề, tự suy nghĩ nên dùng vật gì để làm tòa? Sau đó bỗng tự phát minh là nên dùng cỏ sạch. Khi ấy trời Đế Thích biến hóa thân hình làm kẻ đi cắt cỏ, mang đội đuổi theo đường đi. Bồ-tát gặp thấy bèn bảo rằng: “Cớ ông mang đội, có thể ban cho một ít chăng?”. Người cắt cỏ ấy bèn cung kính dâng cỏ cúng dường Bồ-tát. Bồ-tát nhận cỏ rồi thẳng theo đường đi về phía trước.

Từ nơi Bồ-tát nhận cỏ về phía đông bắc cách đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Bồ-tát sắp chứng Phật quả có đàn chim tước sắc xanh và đàn nai bày hiện điềm lành. Ở Ấn Độ có tập tục tốt lành ứng hiện đó là điềm ứng an vui, nên trời Tịnh Cư tùy thuận theo thế gian biến hiện thành đàn bay liệng quanh để hiệu ứng điềm linh hiển bày quả Thánh. Từ cây Bồ-đề về phía đông hai bên con đường lớn mỗi bên đều có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Ma vương nhiễu loạn Bồ-tát. Bồ-tát lúc sắp chứng đắc Phật quả, Ma vương đến khuyên nên nhận ngôi vị Luân vương, răn nói nhiều mà Bồ-tát không thực hành, Ma vương đành ôm lo buồn lớn mà trở về. Con gái của Ma vương lại xin sang dụ dỗ, Bồ-tát nhờ sức oai thần khiến suy biến sửa đổi hình dung, khiến ma nâng đỡ thân hình suy gầy chổng gậy cùng dẫn nhau rút lui.

Từ cây Bồ-đề về phía tây bắc trong ngôi tinh xá có tôn tượng đức Phật Ca Diếp Ba, đã xứng linh Thánh, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Nghe các bậc lão thành kể rằng nếu người chí thành đi nhiễu quanh bảy vòng thì ngay đời nay chứng đắc trí tức mạng.

Từ tinh xá có tôn tượng đức Phật Ca Diếp Ba về phía tây bắc có hai thất bằng gạch mỗi thất đều có hình tượng của Địa thần. Xưa kia lúc đức Như Lai sắp thành Đấng chánh giác, một vị báo có Ma vương đến, một vị hộ Phật chứng quả. Người đời sau ghi niệm công lai nên đắp họa

hình tượng để nâng bày đức.

Từ tường thành cây Bồ-đề về phía tây nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba là Uất kim hương cao hơn 40 thước do vị thương chủ ở nước Tào Cũ Tra tạo dựng. Xưa kia tại nước Tào Cũ Tra có một vị Đại thương chủ tôn sùng phụng thờ trời thần cúng tế mong cầu phước lợi, khinh miệt Phật pháp, không tin nhân quả. Sau đó, dẫn các khách buôn đi buôn bán đổi chác, trôi nổi thuyền bè trên Nam Hải gặp phải gió dữ, lạc mất đường hướng, sóng gió cuộn cuộn tấp trải qua ba năm, lương thực cạn hết, cháo hồ còn không đủ sung cấp vào miệng, mọi người cùng chung thuyền sống buổi sáng chẳng tính nghĩ đến buổi chiều đồng tâm hợp lực xưng niệm vị trời họ đang tôn thờ. Tâm tư đã nhọc mệt mà công sức thâm lắng chẳng cứu giúp. Bỗng chốc thấy một núi lớn, sườn cao đỉnh vút, có hai mặt nhật nối liền tỏa sáng, ánh sáng chồng nhau soi chiếu. Khi ấy các khách buôn cùng ủy an với nhau rằng: “Chúng ta có phước nên gặp được núi lớn này, nên vào trong đó dừng nghỉ hẳn được an lạc”. Vị thương chủ ấy bảo rằng: “Đó chẳng phải là núi, chính là các Ma Kiệt, sườn cao đỉnh vút ấy là râu tóc, hai mặt nhật nối liền tỏa sáng đó là nhân quang”. Tiếng nói chưa lắng dứt, buồm thuyền vụt tới nơi. Vị thương chủ lại bảo các khách buôn rằng: “Tôi nghe Bồ-tát Quán Tự Tại ở nơi các thứ ách nạn hay ban sự an lạc, nên mỗi người liền đồng tiếng quy mạng xưng niệm, núi cao ấy bèn ẩn, hai ánh mặt nhật cũng lặn mất. Chỉ chốc lát lại thấy có vị Sa-môn hình nghi tướng tự chống tích bay vượt giữa hư không không mà đến cứu vớt, chẳng qua thời gian bao lâu mà đã về đến nước nhà, nhân đó phát khởi tín tâm trình thuận kiên cố, cầu phước chẳng đoái lại, bèn tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba kính tu cúng dường, dùng bột uất kim hương để bôi thoa trên dưới. Đã phát tâm tin, vị thương chủ ấy lại dẫn những người cùng đồng chí ý đi đánh lễ các Thánh tích, chiêm ngưỡng cây Bồ-đề, chưa rồi nói trở về mà đã qua cả tháng trời. Các khách buôn đồng đi lại cùng nói với nhau rằng: “Núi sông cách trở, quê hương xa vời, ngôi Tốt-đổ-ba chúng ta tạo dựng ngày trước mà nay chúng ta hiện ở tại đây thì ai lo việc quét tước?”. Nói xong bèn đi nhiều quanh, đến đó bỗng thấy ngôi Tốt-đổ-ba, kinh hãi sự xuất hiện đó, bèn đến phía trước chiêm lễ xem xét quả nhiên đúng thật là ngôi Tốt-đổ-ba do họ tạo dựng ở tại nước nhà. Nên nay tại nước Ấn Độ nhân đó mà gọi tên là Tốt-đổ-ba “uất kim hương” vậy.

Từ tường thành cây Bồ-đề về góc đông nam bên cạnh cây Ni câu luật có ngôi Tốt-đổ-ba. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá, bên trong có tạo tôn tượng đức Phật ngồi, là nơi xưa kia lúc đức Như Lai vừa mới

chứng đắc Phật quả, trời Đại Phạm thiên đến đó khuyên thỉnh đức Phật chuyển Diệu pháp luân. Bên trong vách tường quanh cây Bồ-đề ở bốn góc đều có các ngôi Tốt-đổ-ba lớn, là các nơi xưa kia đức Như Lai sau khi đã nhận cỏ cát tường đi đến nơi cây Bồ-đề, trước tiên trải quả bốn góc, đất đều chuyển động, sau đó đến tòa kim cang mới được an tĩnh. Bên trong tường vách cây Bồ-đề, các Thánh tích có lắm nhiều, khó thể nêu bày cùng khắp.

Bên ngoài tường vách cây Bồ-đề về phía tây nam có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vườn nhà xưa cũ của hai mục nữ dâng cúng bát cháo sữa. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi mục nữ dâng cúng bát cháo sữa ấy. Tiếp theo lại có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi đức Như Lai nhận bát cháo sữa.

Ngoài cửa phía nam tường vách cây Bồ-đề có một ao lớn chu vi rộng hơn 700 bộ, nước trong trơn nhận lẳng như gương soi, do hai anh em vị Bà-la-môn vâng sự chỉ bảo của trời Đại tự tại mà đục tạo nên. Tiếp về phía nam lại có một ao, là nơi xưa kia đức Như Lai mới thành Đẳng chánh giác muốn tắm rửa, nên trời Đế Thích vì Phật mà hóa thành ao. Tiếp về phía tây, có một tảng đá lớn, là nơi xưa kia đức Phật giặt y xong vừa muốn hong phơi, trời Đế Thích từ núi tuyết lớn mang tả đá đó lại. Bên cạnh đó, lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai nhận chiếc y cũ của bà già dâng cúng. Từ ao do trời Đế Thích biến hóa về phía đông vào trong rừng có ao vua rồng Mục Chi Lâm Đà, nước ở đó trong đen mùi vị ngọt mát. Trên bờ phía tây có một ngôi tinh xá nhỏ, bên trong có tạo tôn tượng đức Phật. Xưa kia đức Như Lai lúc mới thành Đẳng chánh giác đến đó ngồi yên nhập định suốt bảy ngày. Khi ấy vua rồng đó cảnh vệ đức Như Lai tức đem thân mình quấn quanh dưới đức Phật bảy vòng và hóa ra nhiều cái đầu làm lọng tàn che phủ phía trên, nên trên bờ phía đông ao có ngôi thất đó.

Từ ao vua rồng Mục Chi Lâm Đà về phía đông vào trong rừng có ngôi tinh xá, có thờ tôn tượng đức Phật thân hình gầy ốm. Bên cạnh đó có nơi xưa kia đức Phật đi kinh hành dài hơn 70 bộ, hai phía nam bắc mỗi bên đều có cây Tất bát la. Nên nay các hàng sĩ tục những người mắc phải bệnh tật mà dùng dầu thơm bôi thoa vào tôn tượng đó, phần nhiều đều được lành mạnh. Đó là nơi xưa kia Bồ-tát tu khổ hạnh, nơi Như Lai vì phục ngoại đạo, lại nhận sự thỉnh cầu của Ma ở đó suốt sáu năm tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hạt thóc, thân hình tiêu tụy còn da bọc xương, kinh hành qua lại phải vịn cây để đứng dậy.

Bên cạnh cây Tất bát la; nơi Bồ-tát tu khổ hạnh có ngôi Tốt-đổ-

ba, là nơi dừng ở của năm tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, v.v... Mới đầu, lúc thái tử bỏ tục xuất gia, bèn hoàng nơi chốn núi đằm nương nghỉ nơi suối rừng, khi ấy vua Tịnh Phạn mới bảo năm người đi theo để chăm lo cho thái tử. Đến lúc thái tử đã tu khổ hạnh, thì A Nhã Kiều Trần Như, v.v... cũng cần cầu. Từ nơi nương ở của năm tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, v.v..., về phía đông nam có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia Bồ-tát vào sông Ni Liên Thuyền để tắm rửa. Bên cạnh sông cách không xa là nơi Bồ-tát nhận bát cháo sữa. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi hai vị trưởng giả dâng cúng bột mật. Xưa kia đức Phật đang tại dưới cây Bồ-đề ngôi kiết già tỉnh lặng cảm thọ sự an lạc giải thoát qua bảy ngày sau mới từ thiền định dậy, khi ấy có hai vị thương chủ đang đi ngoài mé rừng, và thần ở rừng đó mách báo cùng hai vị thương chủ rằng: “Thái tử giòng họ Thích nay đang ở trong rừng này vừa mới chứng đắc Phật quả, tâm ý đang ngưng lặng tịch định, đã qua hơn 49 ngày đêm không ăn uống gì. Hai ông nếu có gì dâng cúng sẽ được phước lợi rất lớn”. Khi ấy hai vị thương chủ đều cùng đem bột và mật mang theo vào dâng cúng. Đức Thế Tôn bèn thọ nhận.

Bên cạnh nơi hai trưởng giả dâng cúng bột và mật có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi bốn vị trời dâng cúng bình bát cho đức Phật. Sau khi hai thương chủ đã dâng cúng bột và mật, đức Phật nghĩ nên dùng vật gì để nhận đựng. Khi ấy bốn vị trời từ bốn phương lại, mỗi vị mang đến một bình bát bằng vàng dâng cúng đức Phật, đức Thế Tôn im lặng mà không nhận, vì người xuất gia không nên sử dụng đồ vật ấy. Bốn trời lại bỏ bình bát vàng mà dâng cúng bình bát bằng bạc, cho đến các bình bát bằng pha chi, lưu ly, mã não, xa cừ, chân châu, v.v... Đức Thế Tôn vẫn như trước im lặng không nhận lấy. Bốn vị trời lại trở về cung mang đến bình bát bằng đá sắc màu xanh biếc ánh ngời mà dâng cúng, Đức Thế Tôn đoán biết đây kia mà nhận hết tất cả, lần lượt chất đè nén làm thành một bình bát, nên bên ngoài có bốn đường sáng lớn.

Bên cạnh nơi bốn vị trời dâng cúng bình bát cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai vì Thánh mẫu mà giảng nói pháp. Xưa kia, lúc đức Như Lai đã thành Đẳng chánh giác, xưng là thầy của trời người, khi ấy Thánh mẫu Ma Da từ cung trời giáng hiện xuống đó, đức Thế Tôn bèn tùy cơ duyên nêu bày chỉ nói lợi mừng. Bên cạnh đó có ao hồ cạn, trên bờ có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai hiện các sự thần biến để giáo hóa những người có duyên. Bên cạnh nơi đức Phật hiện sức thần biến có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai hóa độ ba anh em Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp Ba cùng với 500 người

học trò cầu xin thọ học Phật giáo. Ca Diếp Ba nói rằng: “Ta cùng các người đồng đi ngược lại đường mê”. Khi ấy bèn cùng dẫn nhau đi đến chỗ đức Phật, đức Như Lai bảo rằng: “Nên vất bỏ áo da nai, bỏ các vật dụng cứng tế lửa”. Lúc đó các Phạm chí vâng thừa Thánh chỉ cởi bỏ tất cả ném vất xuống sông Ni Liên Thuyền. Nại Địa Ca Diếp Ba thấy các vật cứng tế trôi nổi giữa dòng nước, bèn cùng các học trò tìm đến dò xem anh mình động tĩnh thế nào. Đã thấy cải đổi tất cả, bèn cũng tùy theo cầu xin xuất gia. Khi ấy, Già Da Ca Diếp Ba nghe hai người anh mình xả bỏ pháp đang tôn thờ, bèn đến nơi chỗ đức Phật phát nguyện xin tu phạm hạnh.

Từ nơi đức Phật hóa độ ba anh em Ca Diếp Ba về phía tây bắc có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Phật nhiếp phục rồng lửa do anh em Ca Diếp Ba tôn thờ. Khi đức Như Lai sắp giáo hóa ba anh em đó, trước tiên là nhiếp phục sự phụng thờ của họ, nên đến dừng nghỉ nơi thất rồng lửa phạm chí. Qua nửa đêm, rồng phun lửa khói, n đã nhập định cũng phóng hỏa quang. Thất đó bỗng nhiên sáng rỡ, lửa dữ cháy mạnh, các thầy phạm chí khiếp sợ cho là lửa hại đức Phật nên cùng nhau chạy đến khóc gào buồn tiếc. Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp Ba bảo cùng các phạm chí rằng: “Lấy đó mà trông cem chưa hẳn là lửa vậy, có thể là Sa-môn đó nhiếp phục rồng lửa vậy”. Đức Như Lai mới cuộn hết lửa rồng để trong bình bát, đến sáng sớm mang ra chỉ bày cho các học trò ngoại đạo. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi 500 vị Độc giác đồng nhập Niết bàn.

Từ nơi ao vua rồng Mục Chi Lân Đà về phía nam có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Ca Diếp Ba đến cứu đức Phật đắm chìm trong nước. Lúc đó anh em Ca Diếp Ba suy tôn chứng đắc thần thông. Mọi người xa gần đồng kính ngưỡng đức, các hàng lê thứ thấy quy tâm. Đức Thế Tôn dùng phương tiện dẫn trốn đồ chúng, sử dụng quyền biến lớn để nhiếp hóa nên dấy giăng mây kín mít, tuông trút mưa bão lớn, quanh nơi Phật ở riêng không có nước. Khi ấy Ca Diếp Ba thấy mây mưa như thế bảo cùng môn nhân học trò rằng: “Trụ xứ của Sa-môn sắp bị nước dập chìm, nên đem thuyền bè đến cứu”. Đến nơi thì thấy đức Thế Tôn giẫm bước trong nước đi như giữa đất liền, đạp giữa dòng sông thì nước rẽ phân, cát hiện bày, Ca Diếp Ba thấy thế, trong tâm kính phục mà trở về.

Ngoài cửa phía đông tường vách cây Bồ-đề cách khoảng 2 - 3 dặm có một ngôi thất rồng mù. Rồng đó bởi ương lụy nhiều đời kiếp trước nhân chịu quả báo thọ sinh bị mù. Lúc đức Như Lai từ núi tiên chánh giác sắp đến cây Bồ-đề, rồng mù ấy nói với Bồ-tát rằng: “Nay

đây, nhân giả không bao lâu nữa sẽ thành đẳng chánh giác. Mắt tôi bị mù từ trước đến nay đã lâu lắm, mỗi lúc có đức Phật xuất hiện nơi đời thì mắt tôi liền được sáng. Trong thời Hiền kiếp này có ba đức Phật ở quá khứ xuất hiện nói đời, mắt tôi đã có sáng thấy được. Nay nhân giả tới đây, mắt tôi bỗng mở được, do đó mà biết nhân giả sắp thành Phật vậy”.

Bên cạnh cửa phía đông tường thành cây Bồ-đề có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Ma vương kinh sợ Bồ-tát. Mới đầu Ma vương biết Bồ-tát sắp thành chánh giác, đến dẫn dụ hoặc loạn mà không thành, buồn sợ không nơi nhờ cậy, bèn nhóm tập các chúng thần, chỉnh trang quân ma, sửa sang binh lính dốc sức cùng uy hiếp Bồ-tát, khi ấy gió mưa tuông đổ sấm sét mịt mù, phóng lửa bay khói, tung cát vung đá, đủ cả các thứ mâu thuẫn, dụng cụ cung tên. Khi ấy Bồ-tát nhập định đại từ, khiến tất cả mọi thứ binh tượng đều biến thành hoa sen, quân ma kinh sợ vội chạy rút lui. Bên cạnh đó không xa có hai ngôi Tốt-đổ-ba do trời Phạm vương và Đế Thích tạo dựng nên.

Ngoài cửa phía bắc cây Bồ-đề có ngôi Tăng-già lam Ma-ha Bồ-đề, mới đầu do vua nước Tăng-già-la tạo dựng. Nhà sáu tầng, tường vách bao bọc chung quanh cao 3 - 4 trượng, các thợ dựng xây hết sức kỳ diệu, trong tiết xanh đỏ rất mực đẹp xinh. Đến như tôn tượng đức Phật được chú đúc bằng vàng bạc, mọi thứ trang nghiêm đều dùng bằng các vật báu. Các ngôi Tốt-đổ-ba cao rộng diệu kỳ, sáng nhuận sạch đẹp, bên trong có tôn thờ xá lợi của đức Như Lai, xá lợi bằng cốt lớn như đốt ngón tay, sáng nhuận trắng sạch ánh suốt trong ngoài, xá lợi bằng thịt lớn như chân châu dài sắc màu hồng phiến. Mỗi năm đến ngày mãn tháng Như Lai đặc thân biến nêu bày ra cho đại chúng trông xem (tức ngày 30 tháng 12 ở Ấn Độ, tương đương ngày 15 tháng giêng ở Trung Hoa). Khi ấy hoặc có tỏa phóng ánh sáng, hoặc mưa hoa. Chư tăng có gần 1000 vị đều tập học giáo pháp đại thừa Thượng tọa bộ, luật nghi thanh tịnh, chỉnh túc, giới hạnh trình thuần trong sáng. Xưa kia có vị vua ở nước Tăng-già-la tại Nam Hải, vua ấy tính thuần kính tin Phật pháp bẩm phát tự nhiên, có người em họ xuất gia, kính tưởng các Thánh tích của đức Phật nên từ xa đến Ấn Độ, dừng nghỉ trong các ngôi già lam, đều bị khinh thường cho là biên鄙, khi ấy bèn trở gót trở về lại nước nhà. vua ấy đích thân ra đến nơi xa nghinh đón. Vị Sa-môn ấy buồn nghẹn tự như không thể nói. Vua ấy hỏi: “Mắc phải điều gì mà u buồn vậy?”. Vị Sa-môn đó đáp: “Tôi nương nhờ oai phong của nước nhà, vẫn đức Phật phỏng hỏi đạo đến nương trọ nơi

cảnh vực khác. Giã trái nằng mưa, gặp phải khinh thường hủy nhục, nói thấy đem pha, mang điều đau buồn tủi nhục ấy, làm sao trong tâm hân hoan được?”. Vua ấy hỏi: “Như vậy nghĩa là sao?”. vị Sa-môn đó nói: “Thật cầu mong đại vương luôn lấy ruộng phước đặt để tâm ý, đi đến các xứ Ấn Độ tạo dựng những ngôi già lam, đã là nêu bày Thánh tích lại còn có được cao danh. Phước đức ấy có thể giúp được cho tiên vương, ân ấy lại đơm khắp đời sau”. vua ấy bảo: “Việc ấy rất tốt lành, nghe đó sao có thể hoảng muộn?”. Khi ấy bèn đem các vật báu trong nước sang dâng hiến vua xứ Ấn Độ. vua xứ Ấn Độ đã nhận sự triều cống, nghĩa cử còn nghĩ tính xa, nên bảo cùng sứ thần rằng: “Nay ta nên lấy vật gì để đáp trả tâm tình?”. Sứ thần tâu rằng: “vua nước Tăng-già-la cúu đầu với xứ Ấn Độ đây hướng về vua Đại Cát Tường. Đại vương noai đức vang động phương xa, ân huệ đơm trùm khắp. Các Sa-môn nước dưới khâm sùng kính mộ phong hóa dấm rảo bước đến nước trên đó bày kính lễ các Thánh tích. Đến nương ở nơi các ngôi già lam, chẳng nói đâu thấy quán, trải qua đủ thứ khổ nhọc mang chịu lấy sự tủi nhục mà trở về. Nghĩ tính ước xa dâng tặng khuôn phép với sự nghiệp tương lai, muốn đến các xứ Ấn Độ xây dựng những ngôi già lam, để cho các đức Phật khác khát sĩ có nơi dừng nghỉ, hai nước giao hảo hân hoan mọi người qua lại không ngưng dứt”. vua xứ Ấn Độ bảo: “Đức Như Lai lắng ẩn giáo hóa, mà Di phong hiện còn đây. Với các chỗ Thánh tích, mặc tình chọn một nơi”. Sứ giả kính vâng về báo lại, quần thần đều kính bái vui mừng chúc tụng, bèn chiêu tập các hàng Sa-môn bèn nghị sự tạo dựng. Có vị Sa-môn nói rằng: “Nơi cây Bồ-đề, từ xưa trở lại chư Phật đều chứng đắc Thánh đạo tại đó”. Xét bàn mọi kiến nghị khác đều không ngoài ước tính đó, khi ấy bèn xả thí các vật trân quý của nước nhà đến tạo dựng ngôi già lam đó, vì chư tăng nước đó mà phụng tu cúng dường, và mới khắc bản đồng làm bài minh ký rằng: “Phàm phu cấp không riêng chư Phật chí giáo, ban huệ với hàng có duyên, kính tạo ngôi già lam, dùng nêu bày tán dương Thánh tích, phước giúp cha ông, ân ban khắp dân chúng, chỉ mong chư tăng ở nước tôi được tự tại, và mọi người nước tôi cũng đồng như chư tăng, lưu truyền điều này tiếp nối về sau, mãi mãi không cùng tận”. Nên ngôi già lam đó phần nhiều là chư tăng người nước Sư Tử sinh hoạt tu tập.

Từ cây Bồ-đề về phía nam xa hơn 10 dặm các Thánh tích tiếp liền nhau, khó thể nêu bày đủ hết. Mỗi năm đến ngày chư tăng giải kết an cư, các hàng pháp tục ở khắp bốn phương có cả trăm ngàn chúng suốt bảy ngày đêm mang hương hoa đến, tấu trỗi âm nhạc khắp cùng cả khu

rừng lễ bái cúng dường. Chư tăng ở Ấn Độ y cứ theo Thánh giáo của Phật đều lấy ngày mồng một trước nửa tháng Thất La Phạt Noa vào an cư kỳ mưa, tương đương ngày 16 tháng 5 ở Trung Hoa, và lấy sau nửa ngày 15 tháng Át Thấp Phược Sưu Xà Giải An Cư kỳ mưa, tương đương ngày 15 tháng 8 tại Trung Hoa. Tại Ấn Độ tên tháng y cứ theo ngôi sao mà lập, xưa nay không cải đổi. Các bộ không sai, chỉ bởi phương ngôn chưa dung thông nên sự truyền dịch có sai nhầm, phân thời tính tháng đặt kỳ trái khác, nên lấy ngày 16 tháng 04 vào An Cư và đến ngày 15 tháng 7 giải An cư vậy.

